Trường: PTTHSP Đại học Vinh

Tổ: 19

Họ tên giáo viên: Trần Thị Hồng Minh

**1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | **3. Chủ đề con (lựa chọn):**  Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao | 16 |  | 10 |  |  | 2 |  | 1 | 95%  (9.5 điểm) |
| **2** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | **Giải bài toán bằng máy tính** |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 5%  (0,5 điểm) |
| ***Tổng*** | | | 16 |  | 12 |  |  | 2 |  | 1 | **31**  **(10 điểm)** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**===Hết===**

**2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN: TIN HỌC LỚP: 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | **3. Chủ đề con (lựa chọn):**  Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao | **Nhận biết:**  **-**  Biết cách thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu, nhập dữ liệu từ danh sách  - Biết sử dụng các hàm Countif, sumif, if vào tính toán chi tiêu trong gia đình.  **Thông hiểu:**  **-** Nêu được ý nghĩa việc xác thực dữ liệu  - Hiểu cú pháp và ý nghĩa hàm Countif, sumif, if; cho ví dụ minh họa  **Vận dụng**  -Thực hiện xác thực dữ liệu, vận dụng các hàm đã học tính toán được bài toán liên quan đến quản lí tài chính  **Vận dụng cao**  + Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lí tài chính, dân số,... Ví dụ: quản lí chi tiêu củagia đình, quản lí thu chi quỹ lớp | 16 (TN) | 10 (TN) | 2(TL) | 1(TL) |
| **2** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | **Giải bài toán bằng máy tính** | **Nhận biết**  - Thông qua các ví dụ về lập trình trực quan, nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết  **Thông hiểu**  - Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối)  - Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ  - Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ.  - Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện.  **Vận dụng**  - Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán |  | 2 |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16 TN** | **12 TN** | **2 TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**3. HƯỚNG DẪN RA ĐỀ KIỂM TRA THEO MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**

| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | **2. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao** | **Nhận biết:**  **-** Biết cách thiết lập điều kiện để xác thực dữ liệu, nhập dữ liệu từ danh sách **(Câu 1, Câu 2, Câu 3)**  - Biết sử dụng các hàm Countif, sumif, if vào tính toán chi tiêu trong gia đình **(Câu 6, Câu 7, Câu 8, Câu 9, Câu 13, Câu 14, Câu 15, Câu 16, Câu 17, Câu 22, Câu 23, Câu 24, Câu 25)**  **Thông hiểu:**  **-** Nêu được ý nghĩa việc xác thực dữ liệu **(Câu 4, Câu 5)**  - Hiểu cú pháp và ý nghĩa hàm Countif, sumif, if; cho ví dụ minh họa **(Câu 10, Câu 12, Câu 18, Câu 20, Câu 21, Câu 26, Câu 27, Câu 28)**  **Vận dụng**  - Thực hiện xác thực dữ liệu, vận dụng các hàm đã học tính toán được bài toán liên quan đến quản lí tài chính **(Câu 29 a, b)**  **Vận dụng cao**  + Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lí tài chính, dân số,... Ví dụ: quản lí chi tiêu củagia đình, quản lí thu chi quỹ lớp **(Câu 29 c)** | 16 (TN) | 10 (TN) | 2 (TL) | 1(TL) |
| **2** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | **Giải bài toán bằng máy tính** | **Nhận biết**  - Thông qua các ví dụ về lập trình trực quan, nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết.  **Thông hiểu**  - Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối **(Câu 11, Câu 19)**  - Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ  - Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ  - Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện.  **Vận dụng**  - Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán |  | 2 |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16 TN** | **12 TN** | **2 TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**4. ĐỀ KIỂM TRA:**

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng** *(Mỗi câu đúng 0.25 điểm)*

**Câu 1: Bảng tính là công cụ để**

A. quản lý tài chính gia đình B. dự đoán số tiền bạn sẽ có trong tương lai

C. theo dõi chi tiêu hàng tháng D. tạo ra một ngân sách gia đình

**Câu 2: Để sử dụng công cụ xác thực dữ liệu, trong nhóm lệnh *Data Tools* của dải lệnh *Data* chọn lệnh:**

A. Data Validation B. Consolidate

C. Flash Fill D. Text to Columns

**Câu 3: Tính năng xác thực dữ liệu trong Excel cho phép người dùng thiết lập quy tắc về loại dữ liệu nào?**

A. Tên người dùng, mật khẩu và email

B. Số nguyên, số thực, danh sách, ngày tháng, thời gian và độ dài chuỗi

C. Ngôn ngữ, khu vực và múi giờ

D. Họ và tên, tuổi và địa chỉ

**Câu 4: Tính năng xác thực dữ liệu trong Excel giúp người dùng giải quyết vấn đề gì khi chia sẻ file với đồng nghiệp?**

A. Hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị nhập vào ô

B. Giúp người dùng phân tích dữ liệu thô

C. Ngăn ngừa việc nhập sai dữ liệu hoặc ấn nhầm nội dung

D. Kiểm soát tính chính xác của dữ liệu

**Câu 5: Công cụ xác thực dữ liệu trong Excel giúp người dùng làm gì?**

A. Giúp người dùng chia sẻ file Excel với đồng nghiệp

B. Giúp người dùng phân tích dữ liệu thô

C. Giúp người dùng kiểm soát tính chính xác của dữ liệu

D. Giúp người dùng nhập dữ liệu chính xác và nhất quán

**Câu 6: Công thức của hàm Countif là gì?**

A. =COUNTIF(range, criteria)

B. =SUMIF(range, criteria)

C. =SELECTIF(range, criteria)

D. =SORTIF(range, criteria)

**Câu 7: Kết luận nào sau đây có thể rút ra từ việc sử dụng hàm COUNTIF trong bảng dữ liệu về các khoản chi?**

A. Ta có thể biết được tổng số tiền đã chi cho mỗi khoản

B. Ta có thể biết được số lần xuất hiện của mỗi khoản chi

C. Ta có thể sắp xếp các khoản chi theo thứ tự từ cao đến thấp

D. Ta có thể tìm khoản chi có số lần xuất hiện nhiều nhất

**Câu 8: Trong bảng tính Excel, cú pháp hàm SUMIF nào là đúng:**

A. =SUMIF(range,criteria,[sum\_range])

B. =SUMIF(criteria,range,[sum\_range])

C. =SUMIF(range)

D. =SUMIF(range,criteria)

**Câu 9: Cấu trúc của hàm IF trong Excel như thế nào?**

A. = IF(điều kiện; giá trị nếu đúng; giá trị nếu sai)

B. = SUM(A1:A10)

C. = VLOOKUP(A1, B1:C10, 2, FALSE)

D. = AND(A1>5, A2<10)

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 10: Giả sử ta có bảng dữ liệu sau:** **Để tính tổng tiền Khoa đã chi vào ô C2 ta sử dụng công thức =SUMIF(A2:A5,”Khoa”,B2:B5) cho kết quả là bao nhiêu:**  A. 750,000  B. 530,200  C. 950,000  D. 330,200 | **OPL20U25GSXzBJYl68kk8uQGfFKzs7yb1M4KJWUiLk6ZEvGF+qCIPSnY57AbBFCvTW2024.02.58+K4lPs7H94VUqPe2XwIsfPRnrXQE//QTEXxb8/8N4CNc6FpgZahzpTjFhMzSA7T/nHJa11DE8Ng2TP3iAmRczFlmslSuUNOgUeb6yRvs0=** |

**Câu 11: Quá trình giải quyết vấn đề gồm bao nhiêu bước**

A. 3 bước B. 4 bước C. 5 bước D. 6 bước

**Câu 12: Tại ô A1 có giá trị 50, để kiểm tra A1 có lớn hơn 5 hay không, ta có thể sử dụng hàm IF như sau: = IF(A1 > 5; "Lớn hơn 5"; "Nhỏ hơn hoặc bằng 5") thì kết quả sẽ:**

A. 5

B. Lớn hơn 5

C. Nhỏ hơn 5

D. Nhỏ hơn hoặc bằng 5

**Câu 13: Công thức SUMIF được sử dụng để tính tổng gì?**

A. Tổng số tiền của khoản chi theo từng khoản khác nhau.

B. Tổng số tiền của khoản thu theo từng khoản khác nhau.

C. Tổng số tiền của cả khoản chi và khoản thu.

D. Tổng số tiền của tất cả các khoản chi và khoản thu.

**Câu 14: Để tính tổng các ô dựa trên nhiều tiêu chí, chúng ta có thể sử dụng hàm nào?**

A. MAX B. COUNTIF C. AVERAGE D. SUMIFS

**Câu 15: Hàm COUNTIF được sử dụng để làm gì trong bảng dữ liệu về các khoản chi?**

A. Đếm số lần xuất hiện của mỗi khoản chi

B. Tính tổng số tiền đã chi cho mỗi khoản

C. Sắp xếp các khoản chi theo thứ tự từ cao đến thấp

D. Tìm khoản chi có số lần xuất hiện nhiều nhất

**Câu 16: Khi sao chép công thức =COUNTIF($B$3:$B$10,F2) sang các ô G3, G4, G5,..., G10, công thức sẽ thay đổi như thế nào?**

A. Công thức sẽ giữ nguyên và tính toán số lần chi của từng khoản

B. Công thức sẽ bị lỗi và không tính toán được

C. Công thức sẽ trở thành =COUNTIF($B$3:$B$10,G3), $F2 sẽ thay bằng $G3

D. Công thức sẽ trở thành =COUNTIF($B$3:$B$10,F3), $F2 sẽ thay bằng $F3

**Câu 17: Trong bảng tính Excel, nếu thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên, thí sinh đó được xếp loại Đạt, ngược lại nếu dưới 5 điểm thì xếp loại Không Đạt. Theo bạn, công thức nào dưới đây là công thức đúng (Giả sử ô G6 đang chứa điểm thi)**

A. =IF(G6>=5,”Đạt”) ELSE (“Không đạt”).

B. =IF(G6<5,”Không đạt”,”Đạt”).

C. =IF(G6=<5,”Đạt”,”Không đạt”).

D. =IF(G6>5,”Đạt”,”Không đạt”).

**Câu 18: Hàm IF trong Excel được sử dụng để làm gì?**

A. Kiểm tra một điều kiện và trả về kết quả tương ứng

B. Tính toán tổng của các giá trị trong một phạm vi

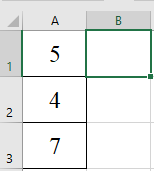
C. Tìm kiếm một giá trị cụ thể trong một bảng dữ liệu

D. Kết hợp với hàm VLOOKUP để thực hiện các phép tính phức tạp

**Câu 19: Chúng ta cần làm gì sau khi đã lựa chọn giải pháp trong quá trình giải quyết vấn đề?**

A. Tìm hiểu vấn đề B. Phân tích vấn đề

C. Trình bày giải pháp D. Thực hiện giải pháp và đánh giá kết quả

**Câu 20: Giả sử vùng A1:A3 có chứa dữ liệu . Tại ô B1 có chứa công thức: =SUMIF(A1:A3,”>5”) thì kết quả sẽ là bao nhiêu:**

A. 7 B. 12 C. 4 D. 9

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 21: Giả sử ta có bảng dữ liệu sau:** .  **Để tính tổng tiền Khoa đã chi vào ô C2 ta sử dụng công thức nào sau đây:**  A. =SUMIF(A2:A5,”Khoa”,B2:B5)  B. = SUMIF(A2:A5,”Minh”)  C. = SUMIF(B2:B5,”Khoa”)  D. = SUMIF(A2:A5,”Minh”,B2:B5) | OPL20U25GSXzBJYl68kk8uQGfFKzs7yb1M4KJWUiLk6ZEvGF+qCIPSnY57AbBFCvTW2024.02.58+K4lPs7H94VUqPe2XwIsfPRnrXQE//QTEXxb8/8N4CNc6FpgZahzpTjFhMzSA7T/nHJa11DE8Ng2TP3iAmRczFlmslSuUNOgUeb6yRvs0= |

**Câu 22: Trong Excel, những nhóm hàm nào sau đây có sử dụng điều kiện để tính tổng**

A. COUNT, MAX B. MAX, MIN

C. IF, SUMIF D. AVERAGE, SUM

**Câu 23: Trong bảng tính Excel, điều kiện trong hàm IF được phát biểu dưới dạng một phép so sánh. Khi cần so sánh lớn hơn hoặc bằng thì sử dụng kí hiệu nào sau đây:**

A. >= B. <= C. # D. <>

**Câu 24: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức =IF(3>5,100,300) thì kết quả nhận được tại ô A2 là:**A. 200 B. 100 C. 300 D. False

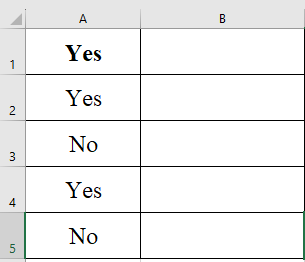
**Câu 25. Hàm IF trong Excel được sử dụng để làm gì?**

A. Tính toán tổng của các giá trị trong một phạm vi

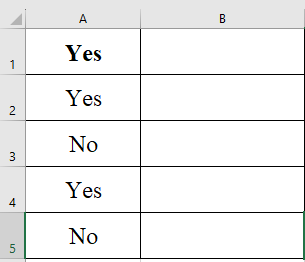
B. Tìm kiếm một giá trị cụ thể trong một bảng dữ liệu

C. Kết hợp với hàm VLOOKUP để thực hiện các phép tính phức tạp

D. Kiểm tra một điều kiện và trả về kết quả tương ứng

**Câu 26: Cho các giá trị từ ô A1:A5 . Hãy sử dụng hàm Countif đếm xem có bao nhiêu từ Yes được xuất hiện**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

**Câu 27: Cho các gía trị từ ô A1:A5 . Hãy cho biết công thức Countif nào sau đây là đúng khi đếm chữ No**

A. =COUNTIF(A1:A5,”Yes”) B. =COUNTIF(A1:A5,”No”)

C. =COUNTIF(A1:A5,”Yes,No”) D. =COUNTIF(A1:A4,”YES”)

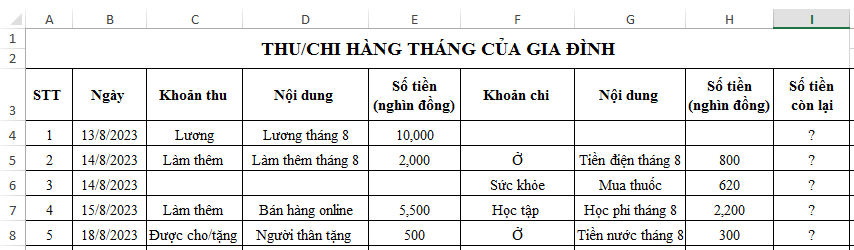
**Câu 28: Trong bảng tính Excel, Ô C2 chứa hạng của học sinh. Công thức nào tính học bổng theo điều kiện: Nếu xếp hạng từ hạng một đến hạng ba thì được học bổng là 200000, còn lại thì để trống**

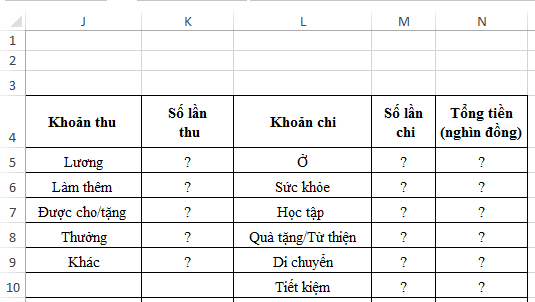
A. =IF(C2>=3, 200000, 0) B. =IF(C2<=3, 200000, “”)

C. =IF(C2<=3, 0, 200000) D. =IF(C2<3, 200000, “”)

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 29:** Cho bảng tính sau:





a. Sử dụng công cụ xác thực khoản thu, khoản chi trong gia đình

b. Tính số lần thu, số lần chi của các khoản thu, chi trong gia đình.

c. Tính tổng tiền của các khoản thu, chi trong gia đình.

**5. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| Đáp án | A | A | B | C | D | A | B | A | A | A | C | B | A | D |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| Đáp án | A | C | B | A | D | A | A | C | A | C | D | C | B | B |

**II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 29a**  **(1.0 điểm)** | **a Sử dụng công cụ xác thực khoản thu, khoản chi trong gia đình:**  **\* Khoản thu:**  - B1: Nháy chuột vào Data> data validation. Xuất hiện hộp thoại data validation  - B2: Nháy chuột chọn nhãn Settings  + Allow : chọn list  + Source : =$C$4:$C$8  - B3: nháy chọn OK  **\* Khoản chi:**  - B1: Nháy chuột vào Data> data validation. Xuất hiện hộp thoại data validation  - B2: Nháy chuột chọn nhãn Settings  + Allow : chọn list  + Source : =$E$4:$E$8  - B3: nháy chọn OK | **0.5đ**  **0.5đ** |
| **Câu 29b**  **(1.0 điểm)** | **b. Tính số lần thu, số lần chi của các khoản thu, chi trong gia đình.**  \* Số lần thu: =COUNTIF($C$4:$C$16,J4)  Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại  \* Số lần chi: =COUNTIF($F$4:$F$16,L4)  Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại | **0.5đ**  **0.5đ** |
| **Câu 29c**  **(1.0 điểm)** | **c.** **Tính tổng tiền của các khoản thu, chi trong gia đình.**  Tính tổng tiền: =SUMIF($F$4:$F$16,L4,$H$4:$H$16)  Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại  *(Ghi chú: Mọi cách giải thích khác đúng đều đạt điểm tối đa)* | **1.0đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BAN GIÁM HIỆU** | **TỔ TRƯỞNG CM** | *Ngày tháng năm*  **GIÁO VIÊN RA ĐỀ** |